

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc, “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Thành T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thành T với chị Lê Thị Hồng T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Phạm Thành T và chị Lê Thị Hồng T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh T và chị T1 thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Phạm Thanh H, sinh ngày 05/9/2012, hiện con chung đang sống với anh T cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con tên Phạm Thành D, sinh ngày 22/01/2007 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2.6. Về án phí các đương sự thống nhất gồm:

Anh Phạm Thành T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án mà anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003066 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh T được nhận lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Khu vực 7 - Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã **Bình Thành, huyện Lấp Vò**
(Nay là xã Lấp Vò), tỉnh Đồng Tháp;
(GCNKH Số 248, quyết định II/2005 ngày 07/12/2005)
- Các đương sự; **Phan Văn Nội**
- Lưu: VP- HS vụ án (K).

THẨM PHÁN